

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vùng thâm canh lúa
năng suất, chất lượng, hiệu quả cao của các xã miền núi
tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 33/TTr-SNN&PTNT ngày 08/3/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao của các xã miền núi giai đoạn 2016 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao của các xã miền núi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020, với những nội dung sau:

1. Phạm vi thực hiện: 106 xã miền núi, gồm:

- 84 xã thuộc 9 huyện miền núi: Quan Hoá (3 xã), Bá Thước (19 xã), Lang Chánh (5 xã), Thường Xuân (6 xã), Ngọc Lặc (6 xã), Cẩm Thủy (9 xã), Thạch Thành (15 xã), Như Xuân (14 xã) và Như Thanh (7 xã).

- 22 xã miền núi thuộc 6 huyện đồng bằng: Tĩnh Gia (4 xã), Triệu Sơn (1 xã), Vĩnh Lộc (6 xã), Thọ Xuân (4 xã), Hà Trung (6 xã), Yên Định (1 xã).

(Có phụ lục 01 kèm theo).

2. Kế hoạch diện tích: 13.317,7 ha, trong đó: 3.517 ha năm 2016; 3.603,7 ha năm 2017; 2.919 ha năm 2018; 1.918 ha năm 2019 và 1.360 ha năm 2020.

3. Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương nội đồng: 243,5 km, trong đó: 66 km năm 2016; 63,9 km năm 2017; 52,4 km năm 2018; 36,5 km năm 2019 và 24,6 km năm 2020.

- Hỗ trợ kiên cố hóa giao thông nội đồng: 235,4 km, trong đó: 58,5 km năm 2016; 62,1 km năm 2017; 53 km năm 2018; 37,5 km năm 2019 và 24,3 km năm 2020.

- Hỗ trợ mua máy cấy: 337 cái, trong đó: 74 cái năm 2016; 87 cái năm 2017; 78 cái năm 2018; 56 cái năm 2019 và 42 cái năm 2020.

- Hỗ trợ mua máy thu hoạch: 189 cái, trong đó: 46 cái năm 2016; 61 cái năm 2017; 39 cái năm 2018; 27 cái năm 2019 và 16 cái năm 2020.

(Có phụ lục 02 kèm theo).

4. Thời gian thực hiện: 5 năm (từ năm 2016 đến năm 2020).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và PTNT hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch khối lượng và kinh phí hàng năm cho từng huyện; hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch khối lượng và kinh phí hàng năm cho từng huyện; thông báo bổ sung kinh phí cho ngân sách huyện kịp thời; theo dõi, hướng dẫn các huyện và chủ đầu tư thực hiện việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch được giao; thực hiện tiếp nhận và chi trả kinh phí theo đúng nội dung cơ chế, chính sách, đúng đối tượng theo Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh; chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ quyết toán và báo cáo tổng hợp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Quan Hoá, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Như Xuân, Như Thanh, Tĩnh Gia, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Hà Trung, Yên Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HDND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN (A67)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH PHÁT TRÊN VÙNG THÂM CANH LÚA NĂNG SUẤT,
CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ TẠI CÁC XÃ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**
(Kèm theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
	TOÀN TỈNH	Ha	3.517	3.604	2.919	1.918	1.360	13.318
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	66,0	63,9	52,4	36,5	24,6	243,5
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	58,5	62,1	53,0	37,5	24,3	235,4
-	Mua máy cấy	Cái	74,0	87,0	78,0	56,0	42,0	337,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	46,0	61,0	39,0	27,0	16,0	189,0
	Trong đó:							
I	Huyện Quan Hoá	Ha	90	80	80	0	0	250,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,8	1,6	1,6	0,0	0,0	5,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,8	1,6	1,6	0	0	5,0
-	Mua máy cấy	Cái	1	2	3	1	0	7,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	2	2	1	0	6,0
1	Xã Thiên Phú	Ha	90					90,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,8					1,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,8					1,8
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1			3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
2	Xã Hiền Chung	Ha		80				80,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,6				1,6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,6				1,6
-	Mua máy cấy	Cái		1	1			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1			2,0
3	Xã Hiền Kiệt	Ha			80			80,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1,6			1,6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1,6			1,6
-	Mua máy cấy	Cái			1	1		2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1	1		2,0
II	Huyện Bá Thước	Ha	500	200	250	300	350	1.600
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	10	4	5	6	7	32,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	10	4	5	6	7	32,0
-	Mua máy cấy	Cái	20	8	10	12	14	64,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	10	4	5	6	7	32,0
1	Xã Diên Lư	Ha	100					100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2					2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2					2,0
-	Mua máy cấy	Cái	4					4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2					2,0
2	Xã Diên Trung	Ha	100	50				150,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	1				3,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	1				3,0
-	Mua máy cấy	Cái	4	2				6,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	1				3,0

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
3	Xã Diên Quang	Ha	100	100				200,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	2				4,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	2				4,0
-	Mua máy cấy	Cái	4	4				8,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	2				4,0
4	Xã Lũng Niêm	Ha	100					100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2					2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2					2,0
-	Mua máy cấy	Cái	4					4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2					2,0
5	Xã Thiết Ống	Ha	100					100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2					2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2					2,0
-	Mua máy cấy	Cái	4					4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2					2,0
6	Xã Ban Công	Ha		50	50			100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1	1			2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	1			2,0
-	Mua máy cấy	Cái		2	2			4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1			2,0
7	Xã Cổ Lũng	Ha			100			100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			2			2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			2			2,0
-	Mua máy cấy	Cái			4			4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			2			2,0
8	Xã Lương Trung	Ha				100		100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				2		2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				2		2,0
-	Mua máy cấy	Cái				4		4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				2		2,0
9	Xã Văn Nho	Ha				100		100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				2		2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				2		2,0
-	Mua máy cấy	Cái				4		4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				2		2,0
10	Xã Kỳ Tân	Ha				100		100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				2		2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				2		2,0
-	Mua máy cấy	Cái				4		4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				2		2,0
11	Xã Lũng Cao	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
12	Xã Lương Nội	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
13	Xã Lương Ngoại	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
14	Xã Điền Hạ	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
15	Xã Điền Thượng	Ha			50			50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1			1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1			1,0
-	Mua máy cấy	Cái			2			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1			1,0
16	Xã Ái Thượng	Ha			50			50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1			1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1			1,0
-	Mua máy cấy	Cái			2			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1			1,0
17	Xã Lâm Xa	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
18	Xã Hạ Trung	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
19	Xã Thành Lâm	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					2	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
III	Huyện Lang Chánh	Ha	50	50	62	50	50	262,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1,2	1	1	5,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	3,5
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	2	1	1	6,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	2	1	1	6,0

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
1	Xã Giao An	Ha	50					50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1					1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	0,7					0,7
-	Mua máy cấy	Cái	1					1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1					1,0
2	Xã Đồng Lương	Ha		50				50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1				1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		0,7				0,7
-	Mua máy cấy	Cái		1				1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1				1,0
3	Xã Tân Phúc	Ha					50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					0,7	0,7
-	Mua máy cấy	Cái					1	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
4	Xã Giao Thiện	Ha				50		50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1		1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				0,7		0,7
-	Mua máy cấy	Cái				1		1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				1		1,0
5	Xã Quang Hiến	Ha			62			62,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1,2			1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			0,7			0,7
-	Mua máy cấy	Cái			2			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			2			2,0
IV	Huyện Thường Xuân	Ha	150	152	150	0	0	452,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	3	3,04	3	0	0	9,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	3	3,04	3	0	0	9,0
-	Mua máy cấy	Cái	3	4	9	0	0	16,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	3	3	3	0	0	9,0
1	Xã Xuân Dương	Ha	50	42				92,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	0,84				1,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	0,84				1,8
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1			3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
2	Xã Thọ Thanh	Ha			50			50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1			1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1			1,0
-	Mua máy cấy	Cái			2			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1			1,0
3	Xã Lương Sơn	Ha	50	60				110,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	km	1	1,2				2,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	km	1	1,2				2,2
-	Mua máy cấy	Cái	1	2	1			4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
4	Xã Ngọc Phụng	Ha	50	50				100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	km	1	1				2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	km	1	1				2,0
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1			3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
5	Xã Vạn Xuân	Ha			50			50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	km			1			1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	km			1			1,0
-	Mua máy cấy	Cái			2			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1			1,0
6	Xã Bát Mọt	Ha			50			50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	km			1			1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	km			1			1,0
-	Mua máy cấy	Cái			2			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1			1,0
V	Huyện Ngọc Lặc	Ha	68	50	122	120	50	410,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,36	1	2,24	2,4	1	8,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,36	1	2,24	2,4	1	8,0
-	Mua máy cấy	Cái	0	2	0	2	1	5,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	0,0	0,0	2,0	1,0	0,0	3,0
1	Xã Ngọc Liên	Ha	68		62			130,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,36		1,24			2,6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,36		1,24			2,6
-	Mua máy cấy	Cái						0,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1,0			1,0
2	Xã Phùng Minh			50				50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1				1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1				1,0
-	Mua máy cấy	Cái		2,0				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
3	Xã Kiên Thọ					55		55,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,1		1,1
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,1		1,1
-	Mua máy cấy	Cái						0,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				1,0		1,0
4	Xã Quang Trung				60			60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1			1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1			1,0
-	Mua máy cấy	Cái						0,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1,0			1,0
5	Xã Nguyệt Ân					65		65,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,3		1,3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,3		1,3
-	Mua máy cấy	Cái				2,0		2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
6	Xã Đồng Thịnh						50	50,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1	1,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1	1,0
-	Mua máy cấy	Cái					1,0	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
VI	Huyện Cẩm Thủy		305	250	225	255	50	1.085,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	6,1	5	4,5	5,1	1	21,7
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	4,3	6	5,3	5,1	1	21,7
-	Mua máy cấy	Cái	1	4	5	9	2	21,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	4	3	6	2	16,0
1	Xã Cẩm Thành	Ha				60		60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Mua máy cấy	Cái						0,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				1		1,0
2	Xã Cẩm Thạch	Ha	50	40				90,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	0,8				1,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	0,8			1,8
-	Mua máy cấy	Cái			1	1	1	3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1		1			2,0
3	Xã Cẩm Bình	Ha	100	60				160,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	1,2				3,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,2	2				3,2
-	Mua máy cấy	Cái		1	1	1		3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1			2,0
4	Xã Cẩm Giang	Ha			50	50	50	150,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1	1	1	3,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1	1	1	3,0
-	Mua máy cấy	Cái				2		2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1	1		2,0
5	Xã Cẩm Tú	Ha			75	75		150,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1,5	1,5		3,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1,5	1,5		3,0
-	Mua máy cấy	Cái				1	1	2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				1	1	2,0
6	Xã Cẩm Phong	Ha	55					55,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,1					1,1
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,1					1,1
-	Mua máy cấy	Cái		2				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1				1,0
7	Xã Cẩm Ngọc	Ha			50	70		120,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1	1,4		2,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1	1,4		2,4

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cày	Cái			1	1		2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái				1		1,0
8	Xã Cẩm Tân	Ha	50	50				100,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1				2,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1				2,0
-	Mua máy cày	Cái	1		1	1		3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1		1		2,0
9	Xã Cẩm Vân	Ha	50	100	50			200,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	2	1			4,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	2	1			4,0
-	Mua máy cày	Cái		1	1	2		4,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1		1	1	3,0
VII	Huyện Thạch Thành	Ha	120	180	120	180	300	900,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2,4	3,6	2,4	3,6	6	18,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2,4	3,6	2,4	3,6	6	18,0
-	Mua máy cày	Cái	2	3	2	3	5	15,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	0	1	0	0	1	2,0
1	Xã Thành Hưng	Ha	60					60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,2					1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,2					1,2
-	Mua máy cày	Cái	1					1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
2	Xã Thành Kim	Ha				60		60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Mua máy cày	Cái				1		1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
3	Xã Thành An	Ha	60					60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,2					1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,2					1,2
-	Mua máy cày	Cái	1					1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
4	Xã Thành Tiến	Ha		60				60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,2				1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,2				1,2
-	Mua máy cày	Cái		1				1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
5	Xã Thành Minh	Ha		60				60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,2				1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,2				1,2
-	Mua máy cày	Cái		1				1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1				1,0
6	Xã Thành Công	Ha					60	60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1,2	1,2

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cày	Cái					1	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái					1	1,0
7	Xã Thạch Long	Ha			60			60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1,2			1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1,2			1,2
-	Mua máy cày	Cái			1			1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
8	Xã Thạch Đồng	Ha			60			60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1,2			1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1,2			1,2
-	Mua máy cày	Cái			1			1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
9	Xã Thạch Thọ	Ha				60		60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Mua máy cày	Cái				1		1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
10	Xã Thạch Sơn	Ha					60	60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Mua máy cày	Cái					1	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
11	Xã Thạch Bình	Ha					60	60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Mua máy cày	Cái					1	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
12	Xã Thạch Vân	Ha		60				60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,2				1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,2				1,2
-	Mua máy cày	Cái		1				1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
13	Xã Thạch Định	Ha				60		60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,2		1,2
-	Mua máy cày	Cái				1		1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
14	Xã Ngọc Trạo	Ha					60	60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Mua máy cày	Cái					1	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
15	Xã Thành Tân	Ha					60	60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km					1,2	1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km					1,2	1,2

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cấy	Cái					1	1,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
VIII	Huyện Như Xuân	Ha	539	908	667	134	0	2.248
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	9,78	14,86	9,28	2,38	0	36,3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	10,78	17,16	13,48	3,48	0	44,9
-	Mua máy cấy	Cái	7	17	3	1	0	28,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	7	17	3	1	0	28,0
1	Xã Yên Lễ	Ha	100	115				215,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	2				4,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	2,3				4,3
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
2	Xã Hóa Quý	Ha	50	50	55			155,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1,1			3,1
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1,1			3,1
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
3	Xã Thanh Sơn	Ha	50	75				125,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1,5				2,5
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1,3				2,3
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
4	Xã Xuân Bình	Ha	89					89,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,78					1,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,78					1,8
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
5	Xã Thượng Ninh	Ha	100	100	100	65		365,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	2	2	1		7,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	2	2	1,3		7,3
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
6	Xã Thanh Quân	Ha	100	100	100			300,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	2	2			6,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	2	2			6,0
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
7	Xã Thanh Phong	Ha		100	89			189,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		2	1,78			3,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,2	1,5	0,8		3,5
-	Mua máy cấy	Cái		2				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		2				2,0
8	Xã Thanh Xuân	Ha		87				87
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,74				1,7
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,74				1,7

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cấy	Cái		2				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		2				2,0
9	Xã Thanh Hòa	Ha		81				81
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,62				1,6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,62				1,6
-	Mua máy cấy	Cái		2				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		2				2,0
10	Xã Bình Lương	Ha	50	50	69			169,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km						
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1,8			3,8
-	Mua máy cấy	Cái	1	1				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
11	Xã Tân Bình	Ha		50	78			128,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km						
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	1,56			2,6
-	Mua máy cấy	Cái		1	1			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1			2,0
12	Xã Cát Tân	Ha		50	56			106,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km						
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	1,12			2,1
-	Mua máy cấy	Cái		1	1			2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1			2,0
13	Xã Cát Vân	Ha			50	69		119,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1	1,38		2,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1	1,38		2,4
-	Mua máy cấy	Cái			1	1		2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1	1		2,0
14	Xã Thanh Lâm	Ha		50	70			120,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1	1,4			2,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	1,4			2,4
-	Mua máy cấy	Cái		2				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		2				2,0
IX	Huyện Như Thanh	Ha	370	541,7	305	170	240	1626,7
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	6,4	8,7	5,1	2,4	2,4	25,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	6,4	9,8	5,1	2,4	2,4	26,1
-	Mua máy cấy	Cái	13	17	12	6	8	56,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	6	9	5	2	1	23,0
1	Xã Xuân Du	Ha	50	50	50	50	100	300,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km						0,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km						0,0
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	2	4	12,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	1		4,0
2	Xã Phú Nhuận	Ha	70	70	60	70	70	340,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,4	1,4	1,2	1,4	1,4	6,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,4	1,4	1,2	1,4	1,4	6,8

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	2	2	10,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái						0,0
3	Xã Xuân Phúc	Ha		66,7				66,7
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km		1,3				1,3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,3				1,3
-	Mua máy cấy	Cái		2				2,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1				1,0
4	Xã Yên Lạc	Ha		55				55,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km						0,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1,1				1,1
-	Mua máy cấy	Cái						0,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1				1,0
5	Xã Cán Khê	Ha	50	100	45			195,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	2	0,9			3,9
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	2	0,9			3,9
-	Mua máy cấy	Cái	1	3	2			6,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	2	1			4,0
6	Xã Yên Thọ	Ha	100	100	100	50	70	420,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	2	2	1	1	8,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	2	2	1	1	8,0
-	Mua máy cấy	Cái	4	4	4	2	2	16,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	2	2	1	1	8,0
7	Xã Mậu Lâm	Ha	100	100	50			250,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	2	1			5,0
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	2	1			5,0
-	Mua máy cấy	Cái	4	4	2			10,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	2	1			5,0
X	Huyện Tĩnh Gia	Ha	150	115	100	190	80	635
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	3	2,3	2	3,8	1,6	13
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	3	2	2	3,8	1,6	12
-	Mua máy cấy	Cái	0	0	2	1	0	3
-	Mua máy thu hoạch	Cái	0	0	1	0	0	1
1	Xã Trường Lâm	Ha	100	65				165
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	1,3				3,3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	2	1				3,0
-	Mua máy cấy	Cái						-
-	Mua máy thu hoạch	Cái						-
2	Xã Phú Lâm	Ha				90		90
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km				1,8		1,8
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km				1,8		1,8
-	Mua máy cấy	Cái						-
-	Mua máy thu hoạch	Cái						-
3	Xã Tân Trường	Ha	50	50	50	50	80	280
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	1	1,6	5,6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1	1,6	5,6

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cày	Cái						-
-	Mua máy thu hoạch	Cái						-
4	Xã Phú Sơn	Ha			50	50		100
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km			1	1		2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km			1	1		2
-	Mua máy cày	Cái			2	1		3
-	Mua máy thu hoạch	Cái			1			1
XI	Huyện Triệu Sơn	Ha	50	50	50	0	0	150
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	0	0	3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	1	1	0	3
-	Mua máy cày	Cái	2	1	1	1		5
-	Mua máy thu hoạch	Cái						
1	Xã Thọ Bình	Ha	50	50	50			150
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1			3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km		1	1	1		3
-	Mua máy cày	Cái	2	1	1	1		5
-	Mua máy thu hoạch	Cái						
XII	Huyện Vĩnh Lộc	Ha	340	360	360	250	80	1.390
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	6,5	6,5	7	4,7	1,6	26
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	6,8	7,2	7,2	5	1,6	28
-	Mua máy cày	Cái	6	10	8	6	2	32
-	Mua máy thu hoạch	Cái	4	7	6	5	2	24
1	Xã Vĩnh Quang	Ha	50	50	50	50		200
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	1		4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1		4
-	Mua máy cày	Cái	2	2	2	2		8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	1		4
2	Xã Vĩnh Long	Ha	50	50	75	65	80	320
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1,5	1,3	1,6	6,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1,5	1,3	1,6	6,4
-	Mua máy cày	Cái		1	1	1	1	4
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1	1	1	4
3	Xã Vĩnh Hưng	Ha	50	50	50	70		220
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	1,4		4,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1,4		4,4
-	Mua máy cày	Cái	2	2	2	2		8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	2		5
4	Xã Vĩnh Hùng	Ha	65	85	85	65		300
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1,0	1,5	1		4,5
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,3	1,7	1,7	1,3		6
-	Mua máy cày	Cái		2				2
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	2	1			4
5	Xã Vĩnh Thịnh	Ha	75	75	50			200
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,5	1,5	1			4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1,5	1,5	1			4

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	1	1	8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	1	1	5
6	Xã Vĩnh An	Ha	50	50	50			150
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1			3
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1			3
-	Mua máy cấy	Cái		1	1			2
-	Mua máy thu hoạch	Cái		1	1			2
XIII	Huyện Thọ Xuân	Ha	260	192	70	0	0	522,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	5,2	3,84	1,4	0	0	10,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	4	1	1	1	0	7,0
-	Mua máy cấy	Cái	5	5	5	4	3	22,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	5	5	3	0	0	13,0
1	Xã Xuân Phú	Ha	60					60,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,2					1,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1					1,0
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1			3,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2,0
2	Xã Thọ Lâm	Ha	50	70				120,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1,4				2,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1					1,0
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1	1	1	5,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1			3,0
3	Xã Xuân Châu	Ha	50	72				122,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1,44				2,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1					1,0
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1	1	1	5,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1			3,0
4	Xã Quảng Phú	Ha	100	50	70			220,0
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	1	1,4			4,4
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1		4,0
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	2	1	9,0
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	2	1			5,0
XIV	Huyện Hà Trung	Ha	425	425	308	219	110	1.487
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	6,5	6,5	4,2	4,2	2,0	24,82
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	4	3	2	2	2	12
-	Mua máy cấy	Cái	11	11	13	7	4	46
-	Mua máy thu hoạch	Cái	6	6	3	3	1	19
1	Xã Hà Sơn	Ha	75	75	58			208
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1,5	1,5	1,2			4,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km						
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	1	1	8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2
2	Xã Hà Long	Ha	50	50	100	61		261
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1,5	1		4,5
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km						

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	4	2		10
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2
3	Xã Hà Lĩnh	Ha	50	50	50	58		208
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	1,16		4,2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km						
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	1	1	8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	1		4
4	Xã Hà Tiến	Ha	100	100	50	50	60	360
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	1	1	5
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1	1	5
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	1	1	8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	1	1	5
5	Xã Hà Tân	Ha	100	100	50	50	50	350
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1	1	1	1	5
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1	1	5
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	2	1	1	8
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1	1	1		4
6	Xã Hà Đông	Ha	50	50				100
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	1	1				2
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1				2
-	Mua máy cấy	Cái	1	1	1	1		4
-	Mua máy thu hoạch	Cái	1	1				2
XV	Huyện Yên Định	Ha	100	50	50	50	50	300
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	1	1	1	1	6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1	1	5
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	3	2	2	11
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	2	1	1	1	7
1	Xã Yên Lâm		100	50	50	50	50	300
-	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	Km	2	1	1	1	1	6
-	Kiên cố hóa giao thông nội đồng	Km	1	1	1	1	1	5
-	Mua máy cấy	Cái	2	2	3	2	2	11
-	Mua máy thu hoạch	Cái	2	2	1	1	1	7

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VÙNG THAM CANH LỪA NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ TẠI CÁC XÃ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Các huyện	2016					2017					2018					2019					2020					Tổng				
		Diện tích (Ha)	Kiến cơ hoa kênh mương nổi đồng (Km)	Kiến cơ hoa giao thông nổi đồng (Km)	Mua máy cấy (Cai)	Mua máy thu hoạch (Cai)	Diện tích (Ha)	Kiến cơ hoa kênh mương nổi đồng (Km)	Kiến cơ hoa giao thông nổi đồng (Km)	Mua máy cấy (Cai)	Mua máy thu hoạch (Cai)	Diện tích (Ha)	Kiến cơ hoa kênh mương nổi đồng (Km)	Kiến cơ hoa giao thông nổi đồng (Km)	Mua máy cấy (Cai)	Mua máy thu hoạch (Cai)	Diện tích (Ha)	Kiến cơ hoa kênh mương nổi đồng (Km)	Kiến cơ hoa giao thông nổi đồng (Km)	Mua máy cấy (Cai)	Mua máy thu hoạch (Cai)	Diện tích (Ha)	Kiến cơ hoa kênh mương nổi đồng (Km)	Kiến cơ hoa giao thông nổi đồng (Km)	Mua máy cấy (Cai)	Mua máy thu hoạch (Cai)	Diện tích (Ha)	Kiến cơ hoa kênh mương nổi đồng (Km)	Kiến cơ hoa giao thông nổi đồng (Km)	Mua máy cấy (Cai)	Mua máy thu hoạch (Cai)
	TOÀN TỈNH	3.517,0	66,0	58,5	74,0	46,0	3.603,7	63,9	62,1	87,0	61,0	2.919,0	52,4	53,0	78,0	39,0	1.918,0	36,5	37,5	56,8	27,0	1.360,0	24,6	24,3	42,0	16,0	13.317,7	243,5	235,4	337,0	189,0
1	Huyện Quan Hoa	90,0	1,8	1,8	1,0	1,0	80,0	1,6	1,6	2,0	2,0	80,0	1,6	1,6	3,0	2,0	0,0	0,0	0,0	1,0	1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	250,0	5,0	5,0	7,0	6,0
2	Huyện Ba Thước	500,0	10,0	10,0	20,0	10,0	200,0	4,0	4,0	8,0	4,0	250,0	5,0	5,0	10,0	5,0	300,0	6,0	6,0	12,0	6,0	350,0	7,0	7,0	14,0	7,0	1.600,0	32,0	32,0	64,0	32,0
3	Huyện Lang Chánh	50,0	1,0	0,7	1,0	1,0	50,0	1,0	0,7	1,0	1,0	62,0	1,2	0,7	2,0	2,0	50,0	1,0	0,7	1,0	1,0	50,0	1,0	0,7	1,0	1,0	262,0	5,2	3,5	6,0	6,0
4	Huyện Thương Xuân	150,0	3,0	3,0	3,0	3,0	152,0	3,0	3,0	4,0	3,0	150,0	3,0	3,0	9,0	3,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	452,0	9,0	9,0	16,0	9,0
5	Huyện Ngọc Lặc	68,0	1,4	1,4	0,0	0,0	50,0	1,0	1,0	2,0	0,0	122,0	2,2	2,2	0,0	2,0	120,0	2,4	2,4	2,0	1,0	50,0	1,0	1,0	1,0	0,0	410,0	8,0	8,0	5,0	3,0
6	Huyện Cẩm Thuy	305,0	6,1	4,3	1,0	1,0	250,0	5,0	6,0	4,0	4,0	225,0	4,5	5,3	5,0	3,0	255,0	5,1	5,1	9,0	6,0	50,0	1,0	1,0	2,0	2,0	1.085,0	21,7	21,7	21,0	16,0
7	Huyện Thạch Thành	120,0	2,4	2,4	2,0	0,0	180,0	3,6	3,6	3,0	1,0	120,0	2,4	2,4	2,0	0,0	180,0	3,6	3,6	3,0	0,0	300,0	6,0	6,0	5,0	1,0	900,0	18,0	18,0	15,0	2,0
8	Huyện Nhu Xuân	539,0	9,8	10,8	7,0	7,0	968,0	14,9	17,2	17,0	17,0	667,0	9,3	13,5	3,0	3,0	134,0	2,4	3,5	1,0	1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2.248,0	36,3	44,9	28,0	28,0
9	Huyện Nhu Thành	370,0	6,4	6,4	13,0	6,0	541,7	8,7	9,8	17,0	9,0	305,0	5,1	5,1	12,0	5,0	170,0	2,4	2,4	6,0	2,0	240,0	2,4	2,4	8,0	1,0	1.626,7	25,0	26,1	36,0	23,0
10	Huyện Tĩnh Gia	150,0	3,0	3,0	0,0	0,0	115,0	2,3	2,0	0,0	0,0	100,0	2,0	2,0	2,0	1,0	190,0	3,8	3,8	1,0	0,0	80,0	1,6	1,6	0,0	0,0	635,0	12,7	12,4	3,0	1,0
11	Huyện Triệu Sơn	50,0	1,0	0,0	2,0	0,0	50,0	1,0	1,0	1,0	0,0	50,0	1,0	1,0	1,0	0,0	0,0	0,0	1,0	1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	150,0	3,0	3,0	5,0	0,0
12	Huyện Vĩnh Lộc	340,0	6,5	6,8	6,0	4,0	360,0	6,5	7,2	10,0	7,0	360,0	7,0	7,2	8,0	6,0	250,0	4,7	5,0	6,0	5,0	80,0	1,6	1,6	2,0	2,0	1.390,0	26,3	27,8	32,0	24,0
13	Huyện Thọ Xuân	260,0	5,2	4,0	5,0	5,0	192,0	3,8	1,0	5,0	5,0	70,0	1,4	1,0	3,0	3,0	0,0	0,0	1,0	4,0	0,0	0,0	0,0	0,0	3,0	0,0	522,0	10,4	7,0	22,0	13,0
14	Huyện Hà Trung	425,0	6,5	3,0	11,0	6,0	425,0	6,5	3,0	11,0	6,0	308,0	5,7	2,0	13,0	3,0	219,0	4,2	2,0	7,0	3,0	110,0	2,0	2,0	4,0	1,0	1.487,0	24,8	12,0	46,0	19,0
15	Huyện Yên Định	100,0	2,0	1,0	2,0	2,0	50,0	1,0	1,0	2,0	2,0	50,0	1,0	1,0	3,0	1,0	50,0	1,0	1,0	2,0	1,0	50,0	1,0	1,0	2,0	1,0	300,0	6,0	5,0	11,0	7,0